

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **483** /QĐ-BTP

Hà Nội, ngày **31** tháng **3** năm **2023**

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng Tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua
các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp năm 2023**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BTP ngày 07 tháng 06 năm 2018 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng Tiêu chí đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua và Phụ lục cách đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp năm 2023.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Trưởng, Phó trưởng các Cục thi đua, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ban TĐKT Trung ương;
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Cổng Thông tin điện tử BTP (để đăng tải);
- Lưu: VT, TĐKT.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Tịnh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP HẠNG THI ĐUA
CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ TƯ PHÁP NĂM 2023

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 483 /QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

TT	NỘI DUNG	CÁC TIÊU CHÍ CỤ THỂ	ĐIỂM CHUẨN	TỔNG ĐIỂM CHẤM	BÁO CÁO, TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG	GHI CHÚ (Lý do cụ thể chênh lệch với điểm chuẩn)
I	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRONG KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2023 CỦA ĐƠN VỊ ĐÃ ĐƯỢC LÃNH ĐẠO BỘ PHÊ DUYỆT VÀ NHỮNG NHIỆM VỤ KHÁC ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM		130			
1	Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch công tác năm 2023 của đơn vị đã được Lãnh đạo Bộ phê duyệt		100			
1.1	Đơn vị có dưới 20 nhiệm vụ					
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	100			
		Có nhiệm vụ chậm tiến độ	97			
	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	96			
		Có nhiệm vụ chậm tiến độ	91			

	Hoàn thành từ 80% đến dưới 90% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	86			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	81			
	Hoàn thành từ 70% đến dưới 80% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	76			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	71			
	Hoàn thành từ 60% đến dưới 70% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	66			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	61			
	Hoàn thành dưới 60% nhiệm vụ		0			
1.2	<i>Đơn vị có từ 20 đến dưới 40 nhiệm vụ</i>					
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	100			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	98			
	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	97			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	92			
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 90% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	87			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	82			
	Hoàn thành từ 70% đến dưới 80% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	77			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	72			
	Hoàn thành từ 60% đến dưới 70% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	67			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	62			
	Hoàn thành dưới 60% nhiệm vụ		0			

1.3	Đơn vị có trên 40 nhiệm vụ					
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	100			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	99			
	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	98			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	93			
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 90% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	88			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	83			
	Hoàn thành từ 70% đến dưới 80% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	78			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	73			
	Hoàn thành từ 60% đến dưới 70% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	68			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	63			
	Hoàn thành dưới 60% nhiệm vụ		0			
2	Thực hiện các nhiệm vụ khác được quy định tại Kế hoạch công tác năm 2023 của đơn vị		20			
2.1	Đơn vị có dưới 20 nhiệm vụ					
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	20			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	17			
	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	14			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	13			

	Hoàn thành từ 80% đến dưới 90% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	12			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	<i>11</i>			
	Hoàn thành từ 70% đến dưới 80% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	10			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	<i>9</i>			
	Hoàn thành từ 60% đến dưới 70% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	8			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	<i>7</i>			
	Hoàn thành dưới 60% nhiệm vụ		0			
2.2	<i>Đơn vị có từ 20 đến 30 nhiệm vụ</i>					
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	20			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	<i>18</i>			
	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	16			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	<i>15</i>			
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 90% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	14			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	<i>13</i>			
	Hoàn thành từ 70% đến dưới 80% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	12			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	<i>11</i>			
	Hoàn thành từ 60% đến dưới 70% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	10			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	<i>9</i>			

	Hoàn thành dưới 60% nhiệm vụ		0			
2.3	<i>Đơn vị có trên 30 nhiệm vụ</i>					
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	20			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	19			
	Hoàn thành từ 90% đến dưới 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	18			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	17			
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 90% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	16			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	15			
	Hoàn thành từ 70% đến dưới 80% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	14			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	13			
	Hoàn thành từ 60% đến dưới 70% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	12			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	11			
	Hoàn thành dưới 60% nhiệm vụ		0			
3	Thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được giao trong năm		10			
3.1	<i>Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp</i>		1.5			
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	1.5			

		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	1.25			
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	1			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	1.75			
	Hoàn thành từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	0.5			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	0.25			
	Hoàn thành dưới 60%		0			
3.2	<i>Thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; cho ý kiến pháp lý, góp ý các văn bản theo yêu cầu thuộc lĩnh vực công tác của đơn vị được giao tham mưu quản lý</i>		1.5			
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	1.5			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	1.25			
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	1			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	0.75			
	Hoàn thành từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	0.5			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	0.25			
	Hoàn thành dưới 60% nhiệm vụ		0			

3.3	<i>Thực hiện các nhiệm vụ phát sinh khác theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ; yêu cầu của lĩnh vực công tác đơn vị quản lý</i>		7			
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	7			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	6			
	Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	5			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	4			
	Hoàn thành từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ	Đúng hạn hoặc vượt tiến độ	3			
		<i>Có nhiệm vụ chậm tiến độ</i>	2			
	Hoàn thành dưới 60%		0			
II	CÁC MẶT CÔNG TÁC KHÁC		60			
1	Công tác chỉ đạo, điều hành trong nội bộ đơn vị		5.5			
1.1	Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành	Sâu sát trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, bám sát từng lĩnh vực, nhiệm vụ phụ trách; đề xuất được giải pháp kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho đơn vị, địa phương, cơ sở	1			
		<i>Chưa sâu sát trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành; chưa kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo phản ánh của đơn vị, địa phương, cơ sở</i>	0.5			

208

		<i>Để xảy ra tình trạng vi phạm hoặc có trường hợp chỉ đạo điều hành sai quy định nhưng chưa đến mức phải áp dụng biện pháp xử lý dẫn đến sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ và các mặt công tác</i>	0			
1.2	<i>Tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị</i>	Tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện đúng, đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan, đơn vị	2			
		<i>Tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện đúng, đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;</i>	1			
		<i>Thực hiện tốt việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định</i>	1			
1.3	<i>Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; củng cố đoàn kết nội bộ; hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể trong cơ quan, đơn vị</i>	Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; Củng cố đoàn kết nội bộ tốt; hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể trong cơ quan, đơn vị hiệu quả, đúng quy định.	2.5			
		<i>Xây dựng và triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu liên quan đến thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị.</i>	1			
		<i>Triển khai đạt kết quả cụ thể trong tổ chức thực hiện những yêu cầu hướng tới việc đoàn kết nội bộ phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị, nội bộ đoàn kết, ổn định.</i>	0.5			

		<i>Hưởng ứng các phong trào do Công đoàn, Đoàn thanh niên, nữ công phát động, các hoạt động nhân đạo, từ thiện theo chủ trương của cơ quan có thẩm quyền và vận động ủng hộ, tài trợ cho Ngành khi có chủ trương đạt kết quả cụ thể.</i>	0.5			
		<i>Tổ chức Đảng, đoàn thể của cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh</i>	0.5			
2	Phối hợp trong công tác		2			
2.1	Phối hợp với các đơn vị khác thuộc Bộ và các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai công tác và thực thi nhiệm vụ	Phối hợp tốt với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai công tác và thực thi nhiệm vụ	1			
		<i>Chậm thực hiện phối hợp có phản ánh của đơn vị, địa phương phối hợp</i>	0.5			
		<i>Không thực hiện phối hợp hoặc để xảy ra sai sót có phản ánh của đơn vị, địa phương phối hợp</i>	0			
2.2	Thái độ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ	Đảm bảo quy định về thái độ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ	1			
		<i>Còn trường hợp chưa đảm bảo quy định về thái độ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ</i>	0.5			
		<i>Đơn vị có công chức, viên chức chưa đảm bảo quy định về thái độ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ đến mức phải bị xử lý</i>	0			

3.	Thực hiện công tác truyền thông về hoạt động của Bộ, ngành		2			
		<i>Ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện hiệu quả công tác truyền thông về hoạt động của đơn vị, hoạt động của Bộ, ngành trong lĩnh vực các đơn vị tham mưu quản lý theo đúng yêu cầu của Kế hoạch công tác truyền thông về hoạt động của Bộ, ngành Tư pháp năm 2023</i>	2			
		<i>Chậm ban hành kế hoạch hoặc tổ chức thực hiện không hiệu quả công tác truyền thông theo Kế hoạch công tác truyền thông về hoạt động của Bộ, ngành Tư pháp năm 2023</i>	1			
		<i>Không ban hành kế hoạch hoặc không tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông theo Kế hoạch công tác truyền thông về hoạt động của Bộ, ngành Tư pháp năm 2023</i>	0			
4	Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kê khai tài sản		3			
3.1	Thực hiện chế độ báo cáo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (gồm 04 lần báo cáo: 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, 12 tháng)	Gửi báo cáo đúng thời hạn	1.5			
		<i>Gửi báo cáo không đúng thời hạn 01/04 lần báo cáo</i>	1			
		<i>Gửi báo cáo không đúng thời hạn 02/04 lần báo cáo</i>	0.5			
		<i>Gửi báo cáo không đúng thời hạn từ 03/04 lần báo cáo trở lên</i>	0			
3.2	Thực hiện kê khai tài sản	Thực hiện kê khai tài sản đúng thời hạn, đầy đủ thông tin	1.5			

		<i>Có trường hợp thực hiện kê khai tài sản không đúng thời hạn hoặc không đủ thông tin</i>	<i>1</i>			
5	Ứng dụng công nghệ thông tin		10			
5.1	Ứng dụng Phần mềm Quản lý văn bản, điều hành vào xử lý công việc hàng ngày		3			
a	Tỷ lệ văn bản đến được phân công xử lý trên hệ thống	Tỷ lệ văn bản đến được phân công xử lý đạt từ 95% trở lên	1.5			
		Tỷ lệ văn bản đến được phân công xử lý đạt từ 80% đến dưới 95%	1			
		Tỷ lệ văn bản đến được phân công xử lý đạt từ 70% đến dưới 80%	0.5			
		Tỷ lệ văn bản đến được phân công xử lý đạt dưới 70%	0			
b	Tỷ lệ văn bản đến được xử lý hoàn thành đúng hạn	Tỷ lệ văn bản đến được xử lý hoàn thành đúng hạn đạt từ 95% trở lên	1.5			
		Tỷ lệ văn bản đến được xử lý hoàn thành đúng hạn chỉ đạt từ 80% đến dưới 95%	1			
		Tỷ lệ văn bản đến được xử lý hoàn thành đúng hạn chỉ đạt từ 70% đến dưới 80%	0.5			
		Tỷ lệ văn bản đến được xử lý hoàn thành đúng hạn chỉ đạt dưới 70%	0			
5.2	Áp dụng chữ ký số đối với văn bản đi theo quy định		2			

n2

		100% số văn bản đi trên Hệ thống được ký chữ ký số	2			
		Từ 85% đến dưới 100% số văn bản đi trên Hệ thống được ký chữ ký số	1.5			
		Từ 70% đến dưới 85% số văn bản đi trên Hệ thống được ký chữ ký số	1			
		Dưới 70% số văn bản đi trên Hệ thống được ký chữ ký số	0			
5.3	Sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi công việc		2			
		Từ 95% trở lên số cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi công việc	2			
		Từ 80% đến dưới 95% số cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi công việc	1.5			
		Từ 65% đến dưới 80% số cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi công việc	1			
		Từ 50% đến dưới 65% số cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi công việc	0.5			
		Dưới 50% cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi công việc	0			

5.4	<i>Cung cấp thông tin liên quan đến đơn vị để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử theo quy định (thông tin hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo điều hành, thông tin liên hệ, danh bạ....)</i>		3			
a	Đối với các đơn vị có trang thông tin thành phần	Thực hiện đăng tải thông tin và cung cấp thông tin trên Trang/mục phụ trách (thông tin hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo điều hành, thông tin liên hệ, danh bạ...) đầy đủ, thường xuyên	3			
		Thực hiện đăng tải thông tin trên Trang/mục phụ trách (thông tin hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo điều hành, thông tin liên hệ, danh bạ...) nhưng không đầy đủ, hoặc không thường xuyên.	1.5			
		<i>Thực hiện đăng tải thông tin trên Trang/mục phụ trách (thông tin hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo điều hành, thông tin liên hệ, danh bạ...) không đầy đủ, không thường xuyên</i>	0			
		Thực hiện các yêu cầu cung cấp thông tin của Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp	1.5			
		<i>Thực hiện không đúng các yêu cầu cung cấp thông tin của Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp</i>	0			
b	Đối với các đơn vị không có trang thông tin thành phần	Cung cấp thông tin cho Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp chính xác, đầy đủ, kịp thời	3			

		<i>Cung cấp thông tin cho Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp chưa đầy đủ hoặc chưa chính xác, kịp thời</i>	1.5			
		<i>Không đáp ứng các yêu cầu cung cấp thông tin của Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp</i>	0			
6	Xây dựng kế hoạch công tác; chế độ báo cáo, thống kê; Công tác cải cách hành chính; thực hiện văn hóa công sở		12			
6.1	<i>Xây dựng kế hoạch công tác</i>		1.5			
a	Kế hoạch công tác năm được phê duyệt	Gửi đúng thời hạn	0.5			
		<i>Gửi không đúng thời hạn</i>	0			
b	Bản tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch công tác năm và kế hoạch chuyên môn của đơn vị được phê duyệt/ban hành trong năm công tác để đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch phục vụ phân bổ ngân sách trong năm kế tiếp	Gửi đúng thời hạn, đúng nội dung	1			
		<i>Gửi không đúng thời hạn hoặc không đúng nội dung</i>	0.5			
		<i>Gửi không đúng thời hạn và không đúng nội dung</i>	0			
6.2	<i>Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê định kỳ</i>		6			<i>Điểm xếp hạng các đơn vị là điểm trung bình của các kỳ báo cáo, thống kê thực hiện trong năm</i>
a	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (gồm 02 lần báo cáo: sơ kết, tổng kết)	Gửi đúng thời hạn quy định	3			
		<i>Gửi chậm từ 01-02 ngày</i>	2			

		<i>Gửi chậm từ 03-05 ngày</i>	<i>1</i>			
		<i>Gửi chậm từ 06-10 ngày</i>	<i>0.5</i>			
		<i>Gửi chậm trên 10 ngày</i>	<i>0</i>			
b	Thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ theo Thông tư 03/2019/TT-BTP (gồm 03 lần báo cáo: sơ kết, tổng kết, báo cáo năm chính thức)		3			
		<i>Gửi đủ số lượng biểu báo cáo</i>	<i>1</i>			
		<i>Gửi không đủ số lượng biểu báo cáo</i>	<i>0</i>			
		<i>Gửi đúng thời hạn quy định</i>	<i>1</i>			
		<i>Có biểu gửi chậm từ 01-03 ngày</i>	<i>0.75</i>			
		<i>Có biểu gửi chậm từ 04-06 ngày</i>	<i>0.5</i>			
		<i>Có biểu gửi chậm từ 07-09 ngày</i>	<i>0.25</i>			
		<i>Có biểu gửi chậm trên 10 ngày</i>	<i>0</i>			
		<i>Gửi thống kê đảm bảo chất lượng (không phải đính chính, sửa đổi số liệu)</i>	<i>1</i>			
		<i>Có 01 biểu chứa số liệu bất hợp lý hoặc đến mức phải đính chính</i>	<i>0,5</i>			
		<i>Có từ 02 biểu trở lên chứa số liệu bất hợp lý hoặc đến mức phải đính chính</i>	<i>0</i>			

6.3	Công tác cải cách hành chính		2			
a	Thời hạn báo cáo công tác cải cách hành chính (báo cáo năm)	Đúng hạn	0.75			
		Chậm thời hạn	0.5			
		Không có báo cáo	0			
b	Chất lượng báo cáo cải cách hành chính	Đầy đủ các nội dung có triển khai ở đơn vị (thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy...)	0.75			
		Thiếu 01 nội dung của báo cáo (mỗi nội dung thiếu trừ 0.25 điểm)	0.5			
c	Góp ý xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính năm	Đúng hạn	0.5			
		Chậm thời hạn	0.25			
		Không có góp ý	0			
6.4	Thực hiện văn hóa công sở tại Bộ, ngành và cơ quan, đơn vị	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện có kết quả 05 nội dung về xây dựng cơ quan, đơn vị văn minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp đối với tập thể; 07 nội dung về thực hiện kỷ cương, trách nhiệm, tận tụy, chuyên nghiệp đối với các bộ, công chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị theo phát động của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	2.5			
		Tổ chức thực hiện có kết quả từ 09 đến 11 nội dung về thực hiện văn hóa công sở theo phát động của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	1.5			

nh

		<i>Tổ chức thực hiện có kết quả từ 07 đến 08 nội dung về thực hiện văn hóa công sở theo phát động của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</i>	1			
		<i>Tổ chức thực hiện có kết quả dưới 07 nội dung về thực hiện văn hóa công sở theo phát động của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</i>	0			
7	Công tác quản lý tài chính, ngân sách, kế toán, quản lý, sử dụng tài sản công		5.5			
7.1	<i>Khối các đơn vị không có tài khoản riêng thuộc Văn phòng Bộ</i>		5.5			
a	Lập, gửi dự toán ngân sách năm 2023 và dự toán bổ sung	Đúng thời hạn, đủ biểu mẫu	1			
		<i>Không đúng thời hạn hoặc thiếu biểu mẫu</i>	0			
b	Thực hiện dự toán	Đúng thời hạn, đủ biểu mẫu	1.5			
		<i>Không đúng thời hạn hoặc thiếu biểu mẫu</i>	0			
c	Hồ sơ chứng từ quyết toán	Đầy đủ, đúng thời hạn, đủ biểu mẫu	1			
		<i>Không đầy đủ, không đúng thời hạn, không đúng hình thức</i>	0			
d	Hủy dự toán	Không bị hủy dự toán, Hủy dự toán theo đúng quy định của pháp luật	1			
		<i>Hủy dự toán do thực hiện không đúng quy định</i>	0			

đ	Thực hiện quản lý tài sản công đúng quy định	Gửi báo cáo đầy đủ, đúng hạn	1			
		<i>Gửi báo cáo không đầy đủ, không đúng thời hạn</i>	0			
7.2	Khỏi các đơn vị có tài khoản riêng		5.5			
a	Lập, gửi dự toán ngân sách năm	Đúng thời hạn, đủ biểu mẫu	0.5			
		<i>Không đúng thời hạn hoặc thiếu biểu mẫu</i>	0			
b	Lập, gửi báo cáo quyết toán	Đúng thời hạn, đủ biểu mẫu	0.5			
		<i>Không đúng thời hạn hoặc thiếu biểu mẫu</i>	0			
c	Công khai trong lĩnh vực ngân sách	Đầy đủ, đúng thời hạn, đúng hình thức	0.25			
		<i>Không đầy đủ, không đúng thời hạn, không đúng hình thức</i>	0			
d	Hủy dự toán	Không bị hủy dự toán, Hủy dự toán theo đúng quy định của pháp luật	0.5			
		<i>Hủy dự toán do thực hiện không đúng quy định</i>	0			
đ	Gửi các báo cáo trong lĩnh vực tài chính	Gửi báo cáo đầy đủ, đúng hạn	0.25			
		<i>Gửi báo cáo không đầy đủ, không đúng hạn</i>	0			
e	Thực hiện kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán	Đầy đủ, đúng hạn	0.5			
		<i>Không đầy đủ, không đúng hạn</i>	0			

ml

g	Thực hiện giải ngân kinh phí không thường xuyên/kinh phí không tự chủ đúng quy định theo từng nội dung	Thực hiện giải ngân kinh phí đúng quy định, đầy đủ các nội dung	1.5			
		06 tháng đầu năm đạt 30% trở lên	0.5			
		<i>06 tháng đầu năm đạt dưới 30%</i>	<i>0</i>			
		09 tháng đạt 60% trở lên	0.5			
		<i>09 tháng đạt dưới 60%</i>	<i>0</i>			
		Đến 30/11 đạt 80% trở lên	0.5			
		<i>Đến 30/11 đạt dưới 80%</i>	<i>0</i>			
h	Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản	Đầy đủ, đúng hạn	0.5			
		<i>Không đầy đủ, không đúng hạn</i>	<i>0</i>			
i	Báo cáo trong lĩnh vực tài sản	Đầy đủ, đúng hạn, đúng biểu	0.5			
		<i>Không đầy đủ, không đúng hạn, không đúng biểu</i>	<i>0</i>			
k	Công khai trong lĩnh vực tài sản	Đầy đủ, đúng thời hạn, đúng hình thức	0.5			
		<i>Không đầy đủ, không đúng hạn, không đúng hình thức</i>	<i>0</i>			
8	Công tác tổ chức cán bộ		10			

a	Tham mưu thực hiện việc tuyển dụng, tiếp nhận, sử dụng công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp	Tuyển dụng, tiếp nhận, ký hợp đồng lao động, phân công, bố trí, sử dụng, điều động, chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp đúng quy định	2			
		<i>Tuyển dụng, tiếp nhận, ký hợp đồng lao động, phân công, bố trí, sử dụng công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp không đúng quy định</i>	0			
b	Tham mưu thực hiện việc bổ nhiệm vào ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ	Tham mưu thực hiện việc bổ nhiệm vào ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ đúng quy định	2			
		<i>Chậm thực hiện một trong các quy trình bổ nhiệm lại, bổ nhiệm vào ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ đối với 01 trường hợp</i>	1			
		<i>Chậm thực hiện một trong các quy trình bổ nhiệm lại, bổ nhiệm vào ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ từ 02 trường hợp trở lên</i>	0			
c	Đánh giá công chức, viên chức; thực hiện tinh giản biên chế	Thực hiện việc tinh giản biên chế hiệu quả, đúng quy định; đánh giá công chức, viên chức chính xác, kịp thời;	2			
		<i>Triển khai thực hiện chủ trương tinh giản biên chế; Sử dụng đúng số biên chế được giao</i>	1.5			

		<i>Đánh giá công chức, viên chức chính xác, kịp thời, đúng quy định</i>	<i>0.5</i>			
		<i>Đánh giá công chức, viên chức không đúng quy định; không thực hiện việc tinh giản biên chế hoặc bố trí công tác khác đối với công chức, viên chức theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật cán bộ, công chức; Sử dụng không đúng số lượng biên chế được giao</i>	<i>0</i>			
d	Thực hiện công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng	<i>Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</i>	<i>2</i>			
		<i>Chậm rà soát bổ sung quy hoạch hoặc chậm triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</i>	<i>1</i>			
		<i>Không xây dựng quy hoạch, không rà soát bổ sung quy hoạch hoặc không xây dựng, chậm triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức, cử công chức, viên chức đi đào tạo bồi dưỡng không đúng đối tượng</i>	<i>0</i>			

đ	Thực hiện công tác chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương	Thực hiện tốt công tác chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương; tổ chức thực hiện tốt các nội dung về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp ban hành kèm theo Quyết định số 2659/QĐ-BTP ngày 03/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp còn hạn chế	2			
		<i>Đơn vị có cá nhân vi phạm bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; có cá nhân vi phạm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ</i>	0			
9	Công tác thi đua, khen thưởng		10			
9.1	Công tác thi đua		6			
a	Tổ chức hưởng ứng và phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua năm 2023	Tổ chức hưởng ứng và phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua năm 2023 đúng nội dung, đúng đối tượng và đúng thời hạn	1			
		<i>Tổ chức hưởng ứng, phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua đúng hai trong ba yêu cầu trên</i>	0.5			
		<i>Tổ chức hưởng ứng, phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua đúng một trong ba yêu cầu trên</i>	0.25			

b	Tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động	Triển khai thực hiện đầy đủ, đúng Kế hoạch, thực chất các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động; có giải pháp đổi mới về triển khai phong trào thi đua; có mô hình hay, cách làm mới sáng tạo, hiệu quả;	2			
		<i>Triển khai thực hiện đầy đủ, đúng Kế hoạch các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động; có mô hình hay, cách làm mới sáng tạo, hiệu quả</i>	1,5			
		<i>Triển khai thực hiện đầy đủ, đúng Kế hoạch các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động nhưng không có giải pháp đổi mới về triển khai phong trào thi đua và không có mô hình hay, cách làm mới sáng tạo, hiệu quả</i>	1			
		<i>Tổ chức triển khai thực hiện không đầy đủ các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp phát động; không có giải pháp đổi mới về triển khai phong trào thi đua; không có mô hình hay, cách làm mới sáng tạo, hiệu quả</i>	0			
c	Tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua	Tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua đầy đủ, đúng thời hạn theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp	1.5			
		<i>Có tổ chức thực hiện kiểm tra, sơ kết, tổng kết phong trào thi đua nhưng báo cáo kết quả không đúng thời hạn</i>	1			
		<i>Không có báo cáo hoặc không thực hiện các hoạt động trên</i>	0			

d	Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tọa đàm nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng do Bộ Tư pháp tổ chức	Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng, tọa đàm về nghiệp vụ thi đua, khen thưởng do Bộ Tư pháp tổ chức	1.5			
		<i>Tham gia không đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng do Bộ Tư pháp tổ chức</i>	0			
9.2	Công tác khen thưởng		2			
a	Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng	Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng chính xác đúng tiến độ của pháp luật về thi đua, khen thưởng	1			
		<i>Bình xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không đúng quy định về tỷ lệ hoặc không đúng đối tượng, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>	0.5			
b	Chấp hành các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng	Chấp hành tốt các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng (thời hạn, thành phần hồ sơ, nội dung đảm bảo yêu cầu)	1			
		<i>Lập hồ sơ đề nghị khen thưởng có trường hợp chưa đúng thủ tục, hồ sơ</i>	0.5			
		<i>Bình xét khen thưởng, gửi hồ sơ không kịp tiến độ hoặc không đảm bảo về thủ tục quy định</i>	0			
9.3	Thực hiện công tác đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp năm 2023	Thực hiện tự chấm điểm chính xác, khách quan kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Bảng Tiêu chí năm 2023 và gửi Bảng tự chấm điểm của đơn vị đúng thời hạn quy định.	2			

		<i>Thực hiện tự chấm điểm chính xác, khách quan kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Bảng Tiêu chí năm 2023 nhưng gửi chậm so với thời hạn quy định</i>	<i>1</i>			
		<i>Thực hiện tự chấm điểm không chính xác, khách quan kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Bảng Tiêu chí năm 2023</i>	<i>0</i>			
III	ĐÁNH GIÁ CỦA TẬP THỂ LÃNH ĐẠO BỘ TƯ PHÁP		Tối đa 10			
	TỔNG SỐ ĐIỂM CHUẨN		200			



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

PHỤ LỤC

Cách đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp năm 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 483/QĐ-BTP ngày 31 tháng 3 năm 2023

của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

I. QUY ĐỊNH VỀ ĐIỂM CHUẨN, THANG ĐIỂM TẠI BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP HẠNG THI ĐUA CÁC ĐƠN VỊ THUỘC BỘ TƯ PHÁP NĂM 2023 (BẢNG TIÊU CHÍ)

1. Điểm chuẩn của Bảng Tiêu chí

Điểm chuẩn của Bảng Tiêu chí là tổng số tối đa 200 điểm, bao gồm 190 điểm được tính cho một đơn vị khi đơn vị thực hiện đúng hoặc vượt tiến độ hoặc đáp ứng yêu cầu đạt tỷ lệ hoàn thành 100% tất cả các nhóm nhiệm vụ tương ứng với từng nhóm tiêu chí quy định tại Phần I, Phần II của Bảng Tiêu chí và đạt tối đa 10 điểm theo đánh giá của tập thể Lãnh đạo Bộ cho đơn vị quy định tại Phần III của Bảng Tiêu chí.

2. Điểm chuẩn từng phần của Bảng Tiêu chí

2.1. Điểm chuẩn của Phần I. “Thực hiện nhiệm vụ trong Kế hoạch công tác năm 2023 của đơn vị đã được Lãnh đạo Bộ phê duyệt và những nhiệm vụ khác được giao trong năm” của Bảng Tiêu chí

Điểm chuẩn của Phần I Bảng Tiêu chí là tổng số tối đa 130 điểm được tính cho một đơn vị khi đơn vị thực hiện đúng hoặc vượt tiến độ, đạt tỷ lệ hoàn thành 100% các nhóm nhiệm vụ tương ứng với từng nhóm tiêu chí quy định tại Phần I của Bảng Tiêu chí.

2.2. Điểm chuẩn của Phần II. “Các mặt công tác khác” của Bảng Tiêu chí

Điểm chuẩn của Phần II Bảng Tiêu chí là tổng số tối đa 60 điểm được tính cho một đơn vị khi đơn vị thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng hoặc theo yêu cầu đạt tỷ lệ hoàn thành 100% tất cả các nhiệm vụ được quy định, có những giải pháp, kết quả nổi trội cụ thể, tương ứng với từng nhóm tiêu chí tại Phần II của Bảng Tiêu chí.

2.3. Điểm chuẩn của Phần III. “Đánh giá của tập thể Lãnh đạo Bộ” của Bảng Tiêu chí

Điểm chuẩn của Phần III Bảng Tiêu chí là tổng số tối đa 10 điểm được tính cho một đơn vị khi đơn vị được tập thể Lãnh đạo Bộ đánh giá về kết quả hoạt động năm 2023.

3. Thang điểm của Bảng Tiêu chí

Thang điểm là số điểm tối đa được áp dụng để tính cho đơn vị khi đơn vị thực hiện hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo tiến độ hoặc đáp ứng yêu cầu, có những sáng kiến, giải pháp, kết quả nổi trội cụ thể hoặc khi đơn vị thực hiện hoàn thành nhiệm vụ nhưng chậm tiến độ tương ứng với tỷ lệ % kết quả đạt được được quy định tại từng tiêu chí thành phần của Bảng Tiêu chí và đạt một mức điểm do tập thể lãnh đạo Bộ đánh giá không vượt quá tối đa 10 điểm theo quy định tại phần III Bảng Tiêu chí.

II. CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

1. Các bước đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua

1.1. Tự chấm điểm thi đua của các đơn vị thuộc Bộ

Căn cứ mức độ hoàn thành những nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch công tác năm 2023 của đơn vị thuộc Bộ đã được lãnh đạo Bộ phê duyệt và những nhiệm vụ khác được giao cho đơn vị trong năm, Hội đồng Thi đua – Khen thưởng của đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tham mưu cho Thủ trưởng đơn vị tổ chức đánh giá, tự chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình theo nguyên tắc và cách thức sau:

- Tổng số điểm đạt được tối đa của một đơn vị không quá 190 điểm khi đơn vị hoàn thành đúng hoặc vượt tiến độ 100% nhiệm vụ được giao quy định tại các nhóm tiêu chí cụ thể tương ứng với nhóm đối tượng chấm điểm thuộc Phần I của

Bảng Tiêu chí và hoàn thành các mặt công tác khác đảm bảo yêu cầu về tiến độ, chất lượng, có nhiều đổi mới, sáng tạo đạt kết quả nổi trội cụ thể quy định tại các nhóm tiêu chí thuộc Phần II của Bảng Tiêu chí;

- Tính điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ trọng tâm theo từng nhóm nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch công tác năm 2023 của đơn vị và những nhiệm vụ khác được giao trong năm bằng việc áp dụng các thang điểm quy định tỷ lệ % nhiệm vụ hoàn thành theo 02 mức: *Hoàn thành nhiệm vụ đúng hoặc vượt tiến độ quy định* và *Hoàn thành nhiệm vụ nhưng chậm tiến độ* quy định tại Phần I của Bảng Tiêu chí, tương ứng với tỷ lệ % kết quả hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị.

Một số nhiệm vụ tính điểm đạt được khi đơn vị hoàn thành đảm bảo yêu cầu về tiến độ, chất lượng, có những giải pháp, kết quả nổi trội cụ thể hoặc hoàn thành nhưng còn một số hạn chế, sai phạm theo các mức quy định tại các thang điểm cụ thể của Phần II Bảng Tiêu chí.

Một số trường hợp không thực hiện được thì không tính điểm cả Mục quy định về nhóm nhiệm vụ đó.

- Khi xác định kết quả để áp dụng chấm điểm phải có tài liệu hoặc báo cáo về kết quả thực hiện để kiểm chứng.

1.2. Thẩm định, rà soát kết quả tự chấm điểm thi đua của Ban Tư vấn thẩm định kết quả tự chấm điểm thi đua của các đơn vị thuộc Bộ

Thành lập Ban Tư vấn thẩm định kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ (gọi tắt là Ban Tư vấn thẩm định) do Vụ trưởng Vụ Thi đua – Khen thưởng, Phó chủ tịch thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp, làm Trưởng ban; Thành viên Ban Tư vấn thẩm định gồm có đại diện lãnh đạo các đơn vị Văn phòng Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ, Thanh tra Bộ, Cục Kế hoạch - Tài chính, Cục Công nghệ thông tin, Vụ Thi đua – Khen thưởng, Tổng cục Thi hành án dân sự, Đại diện Công đoàn Bộ và Cụm trưởng Cụm thi đua các đơn vị thuộc Bộ năm 2023 để thực hiện việc thẩm định, rà soát kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ theo nguyên tắc và cách thức quy định tại tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II này.

1.3. Rà soát, tính tổng số điểm thi đua, dự kiến, trình xếp hạng các đơn vị thuộc Bộ của Vụ Thi đua - Khen thưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp

- Trên cơ sở kết quả tổng điểm chấm của Ban Tư vấn thẩm định và số điểm đạt được theo mức đánh giá của tập thể Lãnh đạo Bộ, căn cứ kết luận của Lãnh đạo Bộ tại các cuộc họp, kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các đơn vị thuộc Bộ và

ý kiến chỉ đạo của tập thể Lãnh đạo Bộ về cơ cấu, số lượng xếp hạng các đơn vị thuộc Bộ năm 2023, Vụ Thi đua – Khen thưởng (Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp) tham mưu cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xây dựng dự kiến xếp hạng các đơn vị thuộc Bộ trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét, báo cáo Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp cho ý kiến, đề nghị Bộ trưởng xếp hạng năm 2023 đối với các đơn vị thuộc Bộ.

- Trong quá trình rà soát, tổng hợp kết quả điểm chấm, dự kiến xếp hạng, nếu có sự chênh lệch giữa tổng điểm chấm của Ban Tư vấn thẩm định đối với tổng điểm tự chấm của các đơn vị thuộc Bộ theo chiều hướng thấp hơn thì đơn vị thuộc Bộ được giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng đối với những nội dung có sự chênh lệch để cân nhắc, xem xét.

2. Cách tính tổng số điểm để xét, đánh giá, xếp hạng thi đua các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp

Điểm tự chấm của đơn vị thuộc Bộ để đối chiếu, so sánh, tham khảo. Trên cơ sở kết quả tổng điểm chấm của Ban Tư vấn thẩm định và điểm đánh giá của tập thể Lãnh đạo Bộ, cách tính tổng số điểm để xét, đánh giá, xếp hạng thi đua các đơn vị thuộc Bộ như sau:

Tổng số điểm đánh giá, xếp hạng thi đua = Tổng điểm chấm của Ban Tư vấn thẩm định + Điểm đánh giá của tập thể Lãnh đạo Bộ

2. Mốc thời gian tính kết quả công tác để đánh giá, chấm điểm, xếp hạng thi đua

Mốc thời gian được tính để chấm điểm kết quả công tác từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/10/2023 và ước tính đến 31/12/2023.

3. Thời gian gửi kết quả tự chấm điểm của đơn vị thuộc Bộ

Kết quả điểm tự chấm của đơn vị thuộc Bộ được gửi về Vụ Thi đua - Khen thưởng đồng thời gửi về Cục trưởng Cục thi đua trước **ngày 15 tháng 11 năm 2023**.

Lưu ý: Khi gửi kết quả chấm điểm, ngoài việc gửi theo đường công văn, các đơn vị thuộc Bộ đồng thời gửi file điện tử của kết quả chấm điểm (định dạng .xls hoặc .doc) đến hộp thư điện tử của Vụ Thi đua - Khen thưởng, Bộ Tư pháp: thiduakhenthuong@moj.gov.vn.

III. CƠ CẤU ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG

1. Cơ cấu đánh giá xếp hạng các đơn vị thuộc Bộ

Cơ cấu đánh giá, xếp hạng các đơn vị thuộc Bộ năm 2023 gồm 04 mức hạng:

1.1. Hạng Xuất sắc: Xem xét, lựa chọn các đơn vị đạt từ **195** điểm trở lên, có nhiều đổi mới, sáng tạo và đạt được kết quả nổi trội trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, tối đa **không quá 50%** tổng số đơn vị được chấm điểm, xếp hạng theo thứ tự từ điểm số cao đến điểm số thấp.

1.2. Hạng Tốt: Xem xét, lựa chọn các đơn vị đạt từ **185** điểm đến dưới **195** điểm, có đổi mới, sáng tạo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ và các đơn vị đạt từ 195 điểm trở lên nhưng không được xếp hạng xuất sắc.

1.3. Hạng Trung bình: Xem xét các đơn vị đạt từ **175** điểm đến dưới **185** điểm; các đơn vị từ **185** điểm trở lên thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đơn vị mất đoàn kết hoặc có biểu hiện mất đoàn kết (phát sinh nhiều đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh trong nội bộ);
- Đơn vị có công chức, viên chức, người lao động trực thuộc bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
- Đơn vị có tiêu cực hoặc có vi phạm nghiêm trọng trong công tác tiếp nhận, luân chuyển, điều động, chuyển đổi vị trí công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, thi nâng ngạch, thi vào ngạch, khen thưởng, kỷ luật đến mức phải bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.
- Đơn vị có hành vi sách nhiễu, tiêu cực, tham ô, tham nhũng đến mức bị xử lý kỷ luật từ mức khiển trách trở lên; có sai phạm về chuyên môn nghiệp vụ đến mức phải bồi thường, trừ trường hợp vi phạm do đơn vị tự phát hiện, chủ động xử lý hoặc đề nghị xử lý thì có thể xem xét xếp hạng Tốt.

1.4. Hạng Yếu: Các đơn vị đạt dưới **175** điểm; các đơn vị đạt từ 175 điểm trở lên có công chức, viên chức, người lao động trực thuộc bị khởi tố hình sự về hành vi trong quá trình thực hiện công vụ. Đối với các trường hợp đơn vị có công chức, viên chức, người lao động trực thuộc bị khởi tố hình sự về hành vi không liên quan đến quá trình thực hiện công vụ thì xem xét hạ 01 bậc xếp hạng so với mức xếp hạng dự kiến đạt được.

2. Lưu ý

- Đối với các trường hợp có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh, làm rõ hoặc đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm thì sau khi có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền mới xem xét xếp hạng thi đua và xét khen thưởng.
- Kết quả xử lý kỷ luật chỉ được áp dụng một lần trong xem xét xếp hạng thi đua và xét khen thưởng.

IV. VỀ XÉT KHEN THƯỞNG

Trên cơ sở kết quả chấm điểm, xếp hạng thi đua đối với các đơn vị và căn cứ vào tỷ lệ được khen thưởng do Bộ Tư pháp quy định, tiêu chuẩn đối với các danh hiệu thi đua việc tổ chức bình xét, đề nghị tặng danh hiệu thi đua theo nguyên tắc lấy từ điểm cao xuống thấp để đưa vào diện bình xét, cụ thể như sau:

1. Đối với danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Lựa chọn trong số các đơn vị được đánh giá, xếp hạng Xuất sắc, là đơn vị tiêu biểu dẫn đầu trong số các đơn vị đạt tiêu chuẩn tặng “Cờ thi đua ngành Tư pháp” được bình xét, suy tôn tại các Cụm thi đua. Số lượng tập thể được xét, đề nghị không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn đã được lựa chọn tặng “Cờ thi đua ngành Tư pháp”.

2. Đối với danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”

Lựa chọn đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất trong số các đơn vị được đánh giá, xếp hạng Xuất sắc và được bình xét, suy tôn tại các Cụm thi đua.

3. Đối với danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

Được lựa chọn trong số các đơn vị được đánh giá, xếp hạng Xuất sắc.

4. Đối với danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

Được bình xét trong số các đơn vị được đánh giá, xếp hạng Xuất sắc hoặc hạng Tốt.

Ngoài nguyên tắc trên, trường hợp đặc biệt do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

V. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Đơn vị thuộc Bộ

Đơn vị thuộc Bộ tự đánh giá, chấm điểm thi đua của đơn vị mình, gửi kết quả về Vụ Thi đua – Khen thưởng theo thời gian quy định để tổ chức chấm thẩm định.

2. Ban Tư vấn thẩm định kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ

Ban Tư vấn thẩm định kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm thực hiện chấm thẩm định kết quả điểm tự chấm của các đơn vị đảm bảo khách quan, chính xác làm cơ sở xếp hạng, xét khen thưởng.

3. Vụ Thi đua - Khen thưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp

Vụ Thi đua - Khen thưởng, Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, rà soát kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thuộc Bộ, điểm chấm của Ban Tư vấn thẩm định và điểm chấm của Lãnh đạo Bộ chấm cho các đơn vị thuộc Bộ, dự kiến xếp hạng các đơn vị thuộc Bộ, đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xem xét, báo cáo xin ý kiến của Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp và trình Bộ trưởng quyết định.

4. Cụm thi đua

Căn cứ tổng số điểm thi đua để xét xếp hạng của các đơn vị thuộc Bộ năm 2023, dự kiến đề nghị xếp hạng của Hội đồng Thi đua – Khen thưởng ngành Tư pháp, Cụm thi đua tổ chức đánh giá và bình xét, suy tôn danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”, “Cờ thi đua của Chính phủ” đối với các đơn vị thuộc Bộ tại Hội nghị Tổng kết công tác thi đua, khen thưởng của các Cụm thi đua năm 2023./.